

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toàn

Bà Phạm Thị Diệu

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H; sinh năm: 1986; HKTT: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn H1; sinh năm: 1981; HKTT: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh H1. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn H1 kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 24/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 08 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng

không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Thị H2, sinh ngày 18/9/2009, cháu Bùi Văn H3, sinh ngày 08/01/2012 và cháu Bùi Thu H4, sinh ngày 17/6/2019. Hiện cháu H2 và cháu H4 ở với chị H, cháu H3 ở với anh H1. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2 và cháu H4; giao cháu H3 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 và cháu H3. Yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu H4 hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H4 thành niên. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập hằng tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), chị đủ khả năng nuôi con nên chị chỉ yêu cầu anh H1 cấp dưỡng như trên.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn H1 trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến giữa năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 08/2023, chị H bỏ đi làm ở Bắc Ninh, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng vợ chồng vẫn còn một số việc riêng chưa giải quyết nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Thị H2, sinh ngày 18/9/2009, cháu Bùi Văn H3, sinh ngày 08/01/2012 và cháu Bùi Thu H4, sinh ngày 17/6/2019. Hiện cháu H2 và cháu H4 ở với chị H, cháu H3 ở với anh H1. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H3 và cháu H4; giao cháu H2 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1. Giao cháu Bùi Thị H2, sinh ngày 18/9/2009 và cháu Bùi Thu H4, sinh ngày 17/6/2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Bùi Văn H3, sinh ngày

08/01/2012 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 và cháu H3. Anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu H4 hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H4 thành niên. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn H1, nơi cư trú tại Thôn T, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H1 không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H1 theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh H1 đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H1 đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị Phạm Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập họp lệ anh Bùi Văn H1 lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh H1 vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Chị H cương quyết muốn được ly hôn. Anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Lý do anh không đồng ý ly hôn là do vợ chồng vẫn còn một số việc riêng chưa giải quyết. Điều đó chứng tỏ chị H, anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 03 con chung. Chị H và anh H1 đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi cháu H2 và cháu H3, và đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu H4. Nguyên vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, hiện cháu H2 và cháu H4 ở với chị H, cháu H3 ở với anh H1. Cháu H2 có nguyên vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu H3 có nguyên vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Cháu H4 là nữ, ở với mẹ sẽ tốt hơn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyên vọng của cháu H2 và cháu H3. Chấp nhận yêu cầu của chị H: giao cháu H2 và cháu H4 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu H3 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 và cháu H3.

Về cấp dưỡng nuôi cháu H4: Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của chị H thấp hơn quy định của pháp luật, tuy nhiên đây là sự tự nguyện của chị H. Hiện chị H đang làm công nhân, thu nhập hằng tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), chị nhận thấy với mức cấp dưỡng như vậy đủ khả năng nuôi con. Thời gian yêu cầu cấp dưỡng của chị H là phù hợp. Buộc anh H1 phải cấp dưỡng nuôi cháu H4 hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H4 thành niên.

[4] Về tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn H1 có 03 con chung là cháu Bùi Thị H2, sinh ngày 18/9/2009, cháu Bùi Văn H3, sinh ngày 08/01/2012 và cháu Bùi Thu H4, sinh ngày 17/6/2019. Giao H2 và cháu H4 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu H3 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 và cháu H3. Anh H1 cấp dưỡng nuôi cháu H4 hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu H4 thành niên.

Chị H, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị H, anh H1 không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004408 ngày 17/10/2024. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Văn H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Minh Tiến;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh